TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: **31**/2018/DS-ST
Ngày 16-8-2018
v/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Ba;

2. Bà Nguyễn Thị Sương;

-Thư ký phiên tòa: Nguyễn Văn Hưng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2018/TLST- DS, ngày 24/4/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2018/QĐXXST-DS ngày 01/8/2018; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Hữu P**, sinh năm 1971. Có mặt.

Trú tại: Số 50 đường số 6, tổ 2, thôn 5, xã SN, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị Diệu H**, sinh năm 1971. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Trú tại: Số 39 đường số 7, tổ 2, thôn 5, xã SN, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

-Bà **Hồ Ngọc Hương G**, sinh năm 1980. Có mặt.

Trú tại: Số 50 đường số 6, tổ 2, thôn 5, xã SN, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

-Ông **Cao Xuân T**, sinh năm 1967. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Trú tại: Số 39 đường số 7, tổ 2, thôn 5, xã SN, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/3/2018, nguyên đơn Nguyễn Hữu P trình bày: Ngày 20/11/2016 vợ chồng bà Nguyễn Thị Diệu H (hay gọi là Ty hoặc Ty T) đến nhà vay của vợ chồng ông P số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, nhưng không ghi trong giấy vay; không quy định thời hạn trả, chỉ thỏa thuận khi vợ chồng ông P cần, thì báo trước 01 tuần cho vợ chồng bà H, sẽ lo tiền trả. Sau khi vay bà H có trả được 20.000.000 đồng, hiện còn nợ lại 80.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính từ ngày 20/11/2016 đến ngày khởi kiện là 21.248.000 đồng (lãi suất 1,66%/tháng). Còn tại bản khai, quá trình hòa giải và tại phiên tòa hôm nay ông P khai vào tháng 4/2017 bà H có trả 20.000.000 đồng và ông P đồng ý trừ vào tiền gốc. Đồng thời yêu cầu vợ chồng bà H trả tiền gốc còn lại là 80.000.000 đồng và tiền lãi mức 1,125%/tháng, tính trên số tiền gốc tương ứng từ ngày vay cho đến ngày Tòa án xét xử.

Chứng cứ do nguyên đơn đưa ra là 01 tờ giấy có nội dung: "Ngày 20-11 Ty có mượn anh P 100.000 triệu (một trăm triệu đồng)" phía dưới có ghi "Người mượn Ty".

Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Giấy xác nhận nợ bà Nguyễn Thị Diệu H có thể hiện: Tháng 11 năm 2016 bà H có vay của vợ chồng ông P số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng. Sau khi vay bà H mới trả được 20.000.000 đồng. Từ tháng 4/2017 đến nay chưa trả được cho ông P.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị hương G khai: Thống nhất theo trình bày của ông Nguyễn Hữu P.

Tòa án đã tiến hành phiên họp về giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tham gia, nên không tiến hành hòa giải được.

Qua xác minh thì được biết: Các Thông báo Tòa án gửi cho bà H và ông Cao Xuân T thì con của bà H, ông T nhận và đều báo lại cho bà H và ông T biết, nhưng vì đang đi làm ăn nên không đến Tòa án được.

Ý kiền của đại diện Viện kiểm sát:

-Phần thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của pháp luật khi tiến hành xét xử vụ án. Đối với đương sự thì tuân thủ đúng pháp luật. Bị đơn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đúng quy định nên chấp nhận.

-Phần nội dung: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Qua kết quả xét hỏi tại phiên tòa, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện nội dung khởi kiện của nguyên thể hiện ngày 20/11/2016 bà H vay của vợ chồng ông P 100.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, khi nào ông P cần thì báo trước 01 tuần để bà H trả. Sau khi vay bà H trả được 20.000.000 đồng. Nay tại phiên tòa ông P yêu cầu số nợ gốc 80.000.000 đồng và lãi 1,125%/tháng là đúng pháp luật nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về phần thủ tục: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn và ông Cao Xuân T vắng mặt. Bà H và ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là phù hợp khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên xét xử vắng mặt bà H và ông T.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, áp dụng pháp luật để giải quyết quan hệ tranh chấp: Xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Về pháp luật áp dụng để giải quyết trong quan hệ này là Bộ luật dân sự năm 2005, vì giao dịch dân sự này xác lập vào năm 2016, trước thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực.

[3] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là buộc bị đơn phải trả số tiền vay 80.000.000 đồng và tiền lãi 1,125%/tháng tương ứng với số tiền gốc tính từ ngày vay cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận; bởi lẽ: Trong Giấy xác nhận nợ ngày 9/8/2018 của bà Nguyễn Thị Diệu H và đơn đề nghị xét xử vắng mặt của bà H và ông Cao Xuân T đều thừa nhận là bà H có vay của vợ chồng ông P 100.000.000 đồng, với lãi suất 3%/tháng. Tuy nhiên, sau khi vay bà H, ông T chỉ trả cho vợ chồng ông P 20.000.000 đồng, nhưng không nói rõ là trả tiền gốc hay tiền lãi. Còn yêu cầu của ông P chỉ yêu cầu bà H ông T trả số tiền gốc 80.000.000 đồng là phù hợp Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005 và có lợi cho bà H, ông T nên chấp nhận. Việc bà H vay tiền của vợ chồng ông P nhằm phục vụ trong gia đình, nên ông T cùng chịu trách nhiệm trả là phù hợp Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về lãi suất: Khi vay các bên tự thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng. Còn theo quy định của Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005, thì lãi suất các bên tự thỏa thuận nhưng không vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định. Tại thời điểm năm 2016, lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định là 9%/năm, do đó trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông P yêu cầu mức lãi 1,125%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật, nên chấp nhận. Số tiền lãi được tính như sau:

Từ ngày 20/11/2016 đến tháng 4/2017, do không rõ ngày nào, nên tính là ngày 01/4/2017, để có lợi cho bị đơn. Số tiền gốc để căn cứ tính lãi là 100.000.000 đồng; thời gian từ 20/11/2016 đến 01/4/2017 là 4 tháng 11 ngày. Số tiền lãi là:

(100.000.000đ x 1,125%) x (4 + $^{11}/_{30}$) = 4.912.500 đồng.

Từ ngày 02/4/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (16/8/2018) là 16 tháng 14 ngày, số tiền gốc căn cứ tính lãi là 80.000.000 đồng. Số tiền lãi là:

(80.000.000đ x 1,125%) x (16 + $^{14}/_{30}$) = 14.820.000 đồng.

Tổng số tiền lãi là: 19.732.500 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 357, khoản 2 Điều 468, điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Diệu H và ông Cao Xuân T phải trả cho ông Nguyễn Hữu P và bà Hồ Ngọc Hương G số tiền: 99.732.500 đồng (Chín mươi chín triệu bảy trăm ba mươi hai ngàn năm trăm đồng); trong đó: Nợ gốc là 80.000.000 đồng, nợ lãi là 19.732.500 đồng.

Kể từ ngày ông P và bà G có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền trên, bà H và ông T phải chịu lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là 10%/năm, tương ứng thời gian và số tiền chậm thanh toán.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Diệu H và ông Cao Xuân T phải chịu 4.986.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Nguyễn Hữu P số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.531.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018378 ngày 24/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Hữu P, bà Hồ Ngọc Hương G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án: 16/8/2018; bà Nguyễn Thị Diệu H, ông Cao Xuân T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử P thẩm.

4. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./-

***Nơi nhận*:**
-VKSND huyện (02 bản);
TÒA
-THADS huyện;
-Các đương sự;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Nguyễn Văn Thái